

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **67/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 15-12-2021

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thái Minh Trí

Ông Hoài Đức Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngọc Thị Ngoan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Đặng Văn Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 175/2021/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 886/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 1028/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Kim Ng**, sinh năm 1990

Địa chỉ: ấp 2, xã L, huyện N, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Anh **Trần Thanh T**, sinh năm 1988

Địa chỉ: Tổ 16, ấp B, xã A, huyện N, tỉnh Đ.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim Ng trình bày:* Chị và anh Trần Thanh T tự nguyện chung sống vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện N, tỉnh Đ (được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 111 ngày 16/12/2011).

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T ham mê cờ bạc, gây nợ nần. Ngày 03/6/2013 chị đã nộp đơn xin ly

hôn và được Tòa án nhân dân huyện N thụ lý vụ án số 149. Tuy nhiên do anh T hứa hẹn và chị cũng muốn cho cơ hội để vợ chồng hòa giải nên ngày 05/7/2013 chị rút đơn khởi kiện (Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án số 49/2013/QĐST-HNGĐ).

Sau đó anh T tiếp tục gây nợ nần do đánh bạc, chị khuyên can nhiều lần nhưng không được nên từ tháng 4/2018 vợ chồng sống ly thân nhau đến nay không hòa giải đoàn tụ lần nào.

Nay chị cương quyết xin ly hôn với anh T do mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài, không thể hòa giải đoàn tụ nữa.

- Con chung: có 02 cháu là Trần Minh H - sinh ngày 24/11/2012 và Trần Trọng Ph - sinh ngày 18/01/2016. Từ khi vợ chồng ly thân thì chị trực tiếp nuôi con cho đến nay, anh T có đến thăm con và hỗ trợ tiền nuôi con được 03 lần.

Ly hôn, chị xin nuôi hai con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị làm công nhân, thu nhập trung bình khoảng 8.000.000 đồng/tháng. Chị và các con đang sống cùng mẹ ruột tại ấp 2, xã L nên mẹ chị có hỗ trợ chăm sóc các con chung.

- Tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Do bận đi làm nên chị xin vắng mặt khi xét xử vụ án.

** Bị đơn anh Trần Thanh T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án cung cấp chứng cứ nên không có lời khai.*

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, xác minh thu thập chứng cứ, hòa giải, việc tuân theo pháp luật của đương sự và của hội đồng xét xử đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử, cần khắc phục.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Kim Ng và anh Trần Thanh T tự nguyện chung sống vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện N, tỉnh Đ. Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Trần Minh H - sinh ngày 24/11/2012 và Trần Trọng Ph - sinh ngày 18/01/2016. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị Ng khai là anh T ham mê cờ bạc, gây nợ nần. Từ tháng 4/2018 cho đến nay, anh chị sống ly thân nhau không hòa giải đoàn tụ. Nay chị Ng xin ly hôn, xin nuôi hai con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9,11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Kim Ng có yêu cầu vắng mặt, anh Trần Thanh T đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo quy định.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự: Chị Nguyễn Thị Kim Ng yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Trần Thanh T. Hiện nay anh T đang cư trú và sinh sống tại ấp B, xã A, huyện N, tỉnh Đ nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện N có thẩm quyền giải quyết vụ án. Quan hệ pháp luật được xác định “Tranh chấp ly hôn”. Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Kim Ng, bị đơn là anh Trần Thanh T.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim Ng và anh Trần Thanh T chung sống vào năm 2011, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện N, tỉnh Đ (được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 111 ngày 16/12/2011). Căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010) hôn nhân trên được xem là hợp pháp. Nay chị Ng xin ly hôn anh T vì mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, không còn khả năng hòa giải đoàn tụ.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn thì thấy: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn theo chị Ng khai là do anh T ham mê cờ bạc, gây nợ nần. Từ tháng 04/2018 đến nay anh chị sống ly thân nhau không hòa giải đoàn tụ lần nào. Thực tế thì ngày 03/6/2013 chị Ng đã nộp đơn xin ly hôn anh T, được Tòa án nhân dân huyện N thụ lý vụ án số 149 nhưng sau đó chị Ng rút đơn khởi kiện nên ngày 05/7/2013 Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án số 49/2013/QĐST-HNGĐ. Đối với anh Trần Thanh T, trong quá trình giải quyết vụ án đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh không đến Tòa án, từ đó thể hiện anh T không mong muốn hòa giải đoàn tụ với chị Ng.

Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Ng đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho chị Ng ly hôn với anh T là phù hợp pháp luật.

[4]. Về con chung: Chị Ng khai có 02 cháu là Trần Minh H - sinh ngày 24/11/2012 và Trần Trọng Ph - sinh ngày 18/01/2016. Ly hôn, chị Ng xin nuôi hai con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, từ khi chị Ng và anh T sống ly thân nhau đến nay thì con chung do chị Ng trực tiếp chăm sóc, cháu H cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Mặt khác, Tòa án đã ra thông báo giao nộp chứng cứ đề nghị anh T có ý kiến về việc nuôi con khi ly hôn nhưng anh T không có ý kiến gì. Vì vậy, cần giao cho chị Ng nuôi dưỡng các con chung, tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp pháp luật.

[5]. Tài sản chung: Chị Ng khai không có nên không xét.

[6]. Nợ chung: Đương sự khai không có nên không xét.

[7]. Về án phí: Chị Ng phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 220, 227, 228, 264, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000, các điều 56, 58, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim Ng về việc “Ly hôn” đối với bị đơn anh Trần Thanh T.

1. Xử: Cho chị Nguyễn Thị Kim Ng được ly hôn anh Trần Thanh T.

2. Về con chung: Xử giao cháu Trần Minh H - sinh ngày 24/11/2012 và Trần Trọng Ph - sinh ngày 18/01/2016 cho chị Ng nuôi dưỡng. Tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim Ng phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0005562 ngày 09/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đ. Chị Ng đã nộp đủ án phí.

Chị Nguyễn Thị Kim Ng, anh Trần Thanh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Mai

